TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-PT
Ngày:10/06/2022
V/v:*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Các thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyện
Bà Bùi Thị Thu Hồng
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố HN.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN *tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày10 tháng 06năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HN xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân&gia đình, thụ lý số 48/2022/LHPT ngày 28/04/2022,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2022; của Tòa án nhân dân thành phố HN, giữa:

Nguyên đơn: Ông C.V.T, sinh năm 1976. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 9, xã Đ.X, G.L, thành phố HN. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn:Bà N.T.B, sinh năm 1979. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 9, xã Đ.X, Huyện G.L, HN. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông C.V.T trình bày có nội dung sau:

Ông và bà N.T.B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/12/1999, tại UBND xã Đ.X, huyện G.L, HN. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong gia đình về kinh tế và tình cảm. Vợ chồng không tôn trọng nhau, mất lòng tin ở nhau

khiến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng mệt mỏi. Nay,ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà N.T.B.

Về con chung:Vợ chồng có 02 con chung là C.T.N.H, sinh ngày 20/09/2000 và C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007. Khi ly hôn, ông T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng anh C.N.Đ, còn chị H đã trên 18 tuổi, trưởng thành thì không yêu cầu giải quyết.Nếu ôngđược giao nuôi con thì không yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nếu trường hợp Tòa án giao cho bà B được giao nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng 2,5triệu đồng/ tháng cho bà B nuôi con chung.

Về tài sản chung , nợ chung của vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà N.T.B trình bày:

Về tình cảm: Bà B nhất trí như ông T trình bày về thời gian và nơi đăng ký kết hôn. Theo bà B, mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không tôn trọng nhau và mất lòng tin ở nhau, thời gian mâu thuẫn, ông T đưa người ngoài vào nhà mà không được sự đồng ý của bà B. Nay Bà B xác định tình cảm vợ chồng tuy mâu thuẫn nhưng vì con cái nên đề nghị hàn gắn để yên ổn gia đình, vì vậy bà B không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án xét thấy cần giải quyết cho bà B ly hôn thì bà B đề nghị ông T và gia đình ông T phải đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà B.

Về con chung:Bà B đồng ý như lời khai của ông T về con chung vợ chồng.Quan điểm của bà B là không ly hôn. Nếu phải ly hôn thì bà B đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007, yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con chung 2,5triệuđồng/tháng.

Về tài sản: Quá trình giải quyết ngày 31/12/2020 và các đơn khởi kiện bổ sung,bà B có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm:Quyền sử dụng đất được bố mẹ chồng tặng cho từ năm 1999, tổng diện tích 230m^2nhưng đến năm 2011, bố mẹ chồng bà và cùng ông T đã tách làm hai thửa làthửa đấtsố 26(2) diện tích 180m^2;thửa đất số 26b diện tích 66,3m^2. Tổng diện tích hai thửa là 230m^2địa chỉ tại thôn 9, xã Đ.X, huyện G.L, thành phố HN. Trên đất đã xây dựngmột căn nhà cấp 4 khoảng 50m^2để ở. Năm2008, đập đi xây nhà 2 tầng, tum tổng diện tích 290m^2 kinh phí hết khoảng 680 triệu đồng.Theo bà B thì quyền sử dụng đất đã thuộc quyền của vợ chồng nhưng nay bằng thủ đoạn suy tính và lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bàB nên ông T và gia đình chồng tước bỏ quyền sử dụng đất của bà.Vì vậy nếu ông T cố tình ly hôn thì bà B đề nghị Tòa án xác định và giải quyết: Chia tài sản chung vợ chồng là giá trị căn nhà hai tầng, tum xây năm2008, tổng diện tích 290m^2vàquyềnsử dụng

đất nêu trên. Ngày 31/3/2021, bà B rút một phần yêu cầu đề nghị nếu Tòa án giải quyết thì chỉ đề nghị xác định tài sản chung vợ chồng là giá trị ngôi nhà hai tầng, tum có giá trị khoảng 1.5tỷ đồng, nếu giải quyết đề nghị được hưởng một phần hai bằng 750.000.000đồng. Bà B đã được Tòa án cho nộp tạm ứng án phí về chia tài sản chung vợ chồng theođơn yêu cầu khởi kiện. Qúa trình giải quyết, bà B đã được Tòa án thông báo về nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản, cụ thể hai thông báo của Tòa án. Nhưng sau khi xem xét, suy nghĩ, được tư vấn hỗ trợ của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp thì bà B đề nghị Tòa án giải quyết không chia tài sản chung vợ chồng nữa vì vậy ngày 06/11/2021, bà B có đơn xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản; Đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng.Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ, nhưng không thành, trong phiên hòa giải bà B vẫn nguyên đề nghị rút yêu cầu chia tài sản vợ chồng,không giải quyết chia tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa ngày 28/12/2021, bà B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung vợ chồng để bảo vệ quyền lợi cho bà.

Bản án số 443 ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân Huyện G.L đã tiến hành xét xử và quyết định : Căn cứ khoản 1 Điều 28;điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147;Điều271;Điều 273; điểm c, đ khoản 1Điều 217; Điều 218; Điều 219; điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 19; Điều 56;Điều 81;Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

Xử: **1 .**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông C.V.T.

2.Ông C.V.T được ly hôn với bà N.T.B.

3.Về con chung:Giao cho ông C.V.T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà N.T.B cho đến khi anh C.N.Đ đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Đối với chị C.T.N.H, sinh ngày 20/09/2000, đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe B thường nên không xem xét giải quyết.

Bà N.T.B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà N.T.B.

Hoàn trả bà N.T.B 8.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 72548 ngày 19/04/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.L.

Giành quyền khởi kiện giải quyết vụ án tranh chấp về tài sản vợ chồng cho bà N.T.B bằng một vụ án khác khi bà B có yêu cầu.

5. Không giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng của ông T và bà B do đương sự không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự . Không nhất trí với kết quả của bản án sơ thẩm ngày 30/12/2021 bà N.T.B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm . Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đề nghị xem xét quyền lợi cho bà về tài sản .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng qui định BLTTDS năm 2015 .Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại BLTTDS năm 2015. Đương sự trong vụ án đã chấp hành các quy định của pháp luật.

*Về nội dung vụ án:Quá trình giải quyết, Tòa án đã xem xét các yêu cầu của bà B đúng các quy định của pháp luật, bà B đã rút yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản; Đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Đề nghị không giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Nhưng nay tại phiên tòa, bà B lại yêu cầu giải quyết chia tài sản chung vợ chồng vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ khoản 3 điều 308 BLTTDS hủy bản án về phần tài sản .Các vấn đề khác giữ nguyên .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà N.T.B đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại thôn 9, xã Đ.X, huyện G.L, HN, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện G.L thụ

lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đơn kháng cáo của bà N.T.B gửi Tòa án ngày30/12/2021trong hạn luật định là hợp lệ .

[2]. Về nội dụng vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng:*

***Về quan hệ hôn nhân**:

Ông C.V.T và bà N.T.B tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/1999, tại UBND xã Đ.X, huyện G.L, HN, vì vậylà hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã Đ.X, G.L, HN, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế và tình cảm vợ chồng, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng không tôn trọng nhau, mất lòng tin ở nhau khiến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng mệt mỏi. Ông T và bà B đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, không còn quan tâm đến nhau. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với bà B. Bà B không đồng ý ly hôn,quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần hòa giải, dành thời gian cho bà B có biện pháp hàn gắn tình cảm từ khi Tòa án thụ lý vụ án tháng 11/2020, nhưng chị B chưa có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng mà theo ông T thì tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn. Lời trình bày của chị H con của ông T, bà B hiện đang là sinh viên năm cuối Đại học và anh C.N.Đ sinh năm 2007, ngày 02/7/2021 (Bl 92) đều xác nhận cuộc sống chung của bố mẹ không hạnh phúc thường X phát sinh mâu thuẫn .Như vậy, xét mâu thuẫnvợ chồng giữa ông T và bà B đã trải qua thời gian dài, vợ chồng đã sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, trong cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau; Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và giải quyết cho ông C.V.T được ly hôn với bà N.T.B là có căn cứ , Không có cơ sở chấp nhận bác bỏ đơn ly hôn của ông T với bà B theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn .

[2.2].*Về con chung:*ông C.V.T và bà N.T.B có hai con chung là chị C.T.N.H, sinh ngày 20/09/2000 và anh C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007.Do chị H đã trên 18 tuổi, sức khỏe B thường nên khi giải quyết ly hôn thì không giải quyết việc giao nuôi con đối với chị H là có căn cứ. Đối với anhC.N.Đ,hiện đang ở cùng ông T ổn định, khi ly hôn cả ông T, bà B đều có nguyện vọng nuôi anh Đ. Nhưng, xét tài liệu, chứng cứ hồ sơ thể hiện ông T, hiện kinh doanh tự do, theo ông thì ông có thu nhập khoảng 15triệuđồng tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con chung. Hiện ông

T và các con đang ở tại nhà của ông T, bà B xây năm 2008, quyền sử dụng đất mang tên ông C.V.C, bà C.T.V nhưng ông C , bà V đều nhất trí để ông T và các cháu ở. Lời trình bày của anh Đ tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2021 trình bày:Bố mẹ ly hôn, tôi xin ở với bốNguyện vọng của anh Đ muốn được ở với bố để ổn định, phù hợp việc học tập, do vậy khi giải quyết cần xem xét mọi khía cạnh để anh Đ phát triển toàn diện, phù quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, phát triển trẻ em.Do vậy, khi giải quyết ly hôn giữa ông T, bà B thấy nên tiếp tục giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông T trình bày nếu giao anh Đ cho ông trực tiếp nuôi dưỡng thì không yêu cầu bà B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà B cho đến khi anh Đ đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu mới.Bà B có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3].*Giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà B về xem xét giải quyết tài sản chung vợ chồng :*

+ Theo đơn khởi kiện của ông C.V.T thì ông chỉ đề nghị Tòa án giải quyết tình cảm chung vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng và công nợ .

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/12/2020, bà B có đề nghị Tòa giải quyết chia tài sản chung vợ chồng, tài sản bà B đề nghị Tòa giải quyết là giá trị ngôi nhà 2 tầng, tum và quyền sử dụng đất 235m^2, hiện đứng tên bố mẹ chồng là ông C.V.C và bàC.T.V. Bà B đã tự định giá tài sản vợ chồng để Tòa án làm căn cứ xác định thông báo tạm ứng án phí bàB phải nộp theo quy định. Tòa án đã thực hiện các thông báo cho bà B về việc nộp tiền tạm ứng án phí bằng các Thông báo số 121 ngày 19/03/2021 vàThông báo số 122 ngày 31/03/2021. Sau đó, tại đơn ngày 31/03/2021, trước khi đề nghị Tòa án xem xét cho thụ lý thì bà B lại rút một phần yêu cầu chia tài sản vợ chồng, nội dung chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung vợ chồng là giá trị ngôi nhà hiện giá trị khoảng 1.500.000.000 đồng, bà có giá trị ½ là khoảng 750.000.000đồng và đề nghị tòa án xem xét điều kiện kinh tế khó khăn của bà B cho bà B được miễn giảm một phần tiền tạm ứng án phí và chậm nộp tiền tạm ứng án phí. Vì vậy ngày 19/4/2021, bà B mới nộp tiền tạm ứng án phí về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng. Quá trình giải quyết, ngày 29/9/2021, bà B có đơn đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, vì vậy Tòa án đã có Thông báo số 08 ngày 04/10/2021 về việc nộptạmứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản tranh chấp. Thông báo trên của Tòa án đã được giao nộp cho bà B nhưng bà

B không đến Tòa án tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản tranh chấp, do vậy Tòa án đã phải ban hành Thông báo số 175 ngày 28/10/2021 về nội dung như trên cho B, bà B đã nhậnthông báo và ngày 6/11/2021, bà B đã có đơn nội dung: Xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản; Đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng, rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Căn cứ đơn yêu cầu củabà B, Tòa án đã không ban hành các Quyết định và tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản tranh chấp. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/11/2021, bà B một lần nữa khẳng định: Rút yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật thửa đất và định giá tài sản; Đề nghị Tòa án hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp về đề nghị chia tài sản chung vợ chồng,rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Do đó, tại thời điểm này theo quy định tại điểm c và điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS thì Tòa án đình chỉ yêu cầu giải quyết đề nghị chia tài sản chung vợ chồng của bà B và hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung vợ chồngđã nộp cho bà B. Như vậy Bà B không thực hiện nghĩa vụ đóng chi phí thẩm định , định gia theo qui định tại điều 104, điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm đã tách phần tài sản để bà B khởi kiện vụ kiện chia tài sản sau ly hôn là có căn cứ. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy để đảm bảo hai cấp xét xử cho các đương sự , phần tài sản chung của vợ chồng do ông T không yêu cầuvề tài sản chỉ yêu cầu ly hôn và con chung , Bà B có yêu cầu chia tài sản ,đã đóng tạm ứng lệ phí nhưng nhiều lần Tòa án yêu cầu nộp lệ phí để thẩm ,định giá tài sản tranh chấp nhưng bà B không thực hiện nên cấp sơ thẩm không xem xét ,Để đảm bảo hai cấp xét xử mới đểm bảo nguyên tắc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự nên dành cho bà B quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn . Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B về chia tài sản chung .

Quan điểm của viện kiểm sát phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[3].Về án phí và quyền kháng cáo: Ông C.V.T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà B phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung .

Vì các lẽ trên.Căn cứ khoản 1 điều 308, điều 146, 147 , điều 104, điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự .

QUYẾT ĐỊNH

Các Điều 19; Điều 56;Điều 81;Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

Xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 443 ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân Huyện G.L :

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông C.V.T.

2.Ông C.V.T, sinh năm 1976,được ly hôn với bà N.T.B,

3.Về con chung: Xác nhận ông bà có 02 con chung là C.T.N.H, sinh ngày 20/09/2000, đã trưởng thành và C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007

Giao cho ông C.V.T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là C.N.Đ, sinh ngày 03/09/2007. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà N.T.B cho đến khi nào anh Đ đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Bà N.T.B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà N.T.B.

Hoàn trả bà N.T.B 8.500.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 72548 ngày 19/04/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.L.

Giành quyền khởi kiện giải quyết vụ án tranh chấp về tài sản chung vợ chồng cho bà N.T.B bằng một vụ án khác khi bà B có yêu cầu.

6. Án phí: ông C.V.T phải chịu toàn bộ 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/005623ngày 05/11/2020tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.L nay chuyển thành án phí Ly hôn sơ thẩm.Bà N.T.B phải nộp 300,000 đồng án phí phúc thẩm đối trừ số tiền đã nộp tại biên lai số 0073117 ngày 17/03/2022 tại chi cục thi hành án dân sự Huyện G.L .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:
- *TAND Huyên G.L, HN;*
- *VKSND huyện G.L;*
- *THADS huyện G.L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Chí Nguyện	**Bùi Thị Thu Hồng**	**Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Nơi nhận:
- *TAND Huyên G.L, HN;*
- *VKSND huyện G.L;*
- *THADS huyện G.L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền